TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2019/HNGĐ- PT.
Ngày : 15/7 /2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng L

Bà Nguyễn Thị Kiều T

Thư ký phiên toà: Bà Chử Thị Bích Lệ - Thẩm tra viên Tòa án NDTP H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 74/2019/TLPT - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấply hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2018/ HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2019/QĐPT- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa :

***** Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng P, sinh năm 1983

Cư trú: Số nhà 32, phố Đ, phường N, quận C, thành phố H.

Nghề nghiệp: Cán bộ ngân hàng

***** Bị đơn: Anh Nguyễn Vinh D, sinh năm 1983

Cư trú: Phòng 1605 tòa D chung cư báo nhân dân và Văn phòng T, phường X, quận N, thành phố H.

Nghề nghiệp: Cán bộ Cty địa chính H

(Chị P, anh D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Hồng P, bị đơn anh Nguyễn Vinh D trình bày:

1. Về tình cảm:

- Chị Phạm Hồng P trình bày: Chị và anh Nguyễn Vinh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố H vào ngày 11/11/2009. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại nhà bố mẹ anh D được khoảng 03 năm thì anh chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị P tại tổ 25 phường N, quận C, thành phố H ở.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống không được hạnh phúc, hay phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng không được giải quyết dứt điểm. Đến khoảng tháng 9/2017 thì mâu thuẫn rất căng thẳng và trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng trong mọi quan điểm sống, hay cãi vã. Từ lâu cuộc sống không còn hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng không nói chuyện và không chia sẻ với nhau được nữa. Mặc dù đã được cả hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, bản thân chị P đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Chị P và anh D đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, anh D về ở nhà bố mẹ đẻ, trong quá trình ly thân không ai đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Chị P xác định không còn tình cảm với anh D nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Anh Nguyễn Vinh D trình bày: Anh xác định chị P trình bày về thời gian, bối cảnh vợ chồng kết hôn hoàn toàn đúng, vợ chồng anh chị kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ chồng được khoảng 03 năm, sau đó đến năm 2012 thì vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ chị P sinh sống. Quá trình sinh sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, những lý do hết sức nhỏ nhặt trong gia đình. Anh D xác định bản thân vẫn còn tình cảm với chị P, anh D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ nuôi dậy con cái.

2. Về con chung:

- Chị Phạm Hồng P trình bày: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009, cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015. Hiện tại cháu Bảo Ch đang ở với anh D, cháu Ngọc H và Vinh A đang ở với chị P.

Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi cháu Hà và cháu Vinh A, anh D nuôi cháu Bảo C, chị P không đề nghị anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, thu nhập của chị mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Vinh D trình bày: Anh và chị P có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009, cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015. Hiện tại cháu Bảo C đang ở với anh D, cháu Ngọc H và Vinh A đang ở với chị P.

Sau khi ly hôn, anh D có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, thu nhập của anh mỗi tháng 7.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: Chị P, anh D xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2018/ HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy đã quyết định như sau:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Hồng P. Cho chị Phạm Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Vinh D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với anh D và chị P cho đến khi các con chung trưởng thành, tự lập hoặc có sự thay đổi khác. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Hồng P và anh Nguyễn Vinh D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 12/12/2018 anh Nguyễn Vinh D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị bác đơn ly hôn của chị Phạm Hồng P.

* Tại phiên tòa phúc thẩm :

Anh Nguyễn Vinh D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dậy con cái. Trong trường hợp ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015.

Chị Phạm Hồng P đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai, tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh D. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Xét nội dung kháng cáo của ánh Nguyễn Vinh D:

[1] Về tình cảm: Chị Phạm Hồng P kết hôn với anh Nguyễn Vinh D trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố H ngày 11/11/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa thể hiện:

Anh D cho rằng mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, nên anh không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố lẫn mẹ. Tuy nhiên, anh D cũng thừa nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai. Hàng tuần anh D có đến nhà chị P thăm các con nhưng cũng không nói chuyện với chị P.

Anh D không muốn ly hôn với chị P nhưng cũng không có thiện chí tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, không liên lạc hay tìm cách trao đổi nói chuyện với chị P kể cả các vấn đề liên quan đến các con.

Mâu thuẫn vợ chồng của anh chị kéo dài, không có sự cải thiện, hàn gắn. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Anh D mong muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được các phương thức cải thiện mâu thuẫn chung vợ chồng. Chị P luôn xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do vậy kháng cáo xin đoàn tụ của anh D không có có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh D và chị P có 03 con chung là cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009, cháu Nguyễn Ngọc H sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015.

Anh D, chị P đều có công việc, thu nhập và đều có nhà ở ổn định. Cả hai đều có khả năng nuôi dậy con tốt. Chị P có thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000 đồng/tháng, anh D có thu nhập ổn định mỗi tháng 7.500.000 đồng/tháng.

Hiện tại anh chị đã sống ly thân, anh D đang trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009 và chị P đang trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015.

Căn cứ vào thực tế trên và tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, cháu Nguyễn Vinh A chưa đầy 36 tháng tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015 chop chị P trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì lợi ích của các con, tránh sự xáo trộn không cần thiết, Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D và chị P cho đến khi các con chung trưởng thành, tự lập hoặc có sự thay đổi khác và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[3] Về tài sản, nhà ở chung, công nợ: Chị P, anh D không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: anh Nguyễn Vinh D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm

Kết luận của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2018/ HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố H.

[1] Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng P. Chị Phạm Hồng P được ly hôn anh Nguyễn Vinh D.

[2] Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Bảo C sinh ngày 24/11/2009 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Nguyễn Vinh A sinh ngày 19/12/2015 cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với anh D và chị P cho đến khi các con chung trưởng thành, tự lập hoặc có sự thay đổi khác. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Hồng P và anh Nguyễn Vinh D không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[4] Về án phí:

- Chị Phạm Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền chị P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005866 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Chị P đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Vinh D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006706 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Anh D đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày 24/8/2018./.

Nơi nhận:
- VKSND TP H .
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Đương sự;
- Lưu HS+VP./.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Quảng O